

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành  
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**Mẫu số B 09 - DN**  
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

### **1. Đặc điểm hoạt động**

#### **1.1. Khái quát chung**

Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Bản đồ - Tranh ảnh giáo khoa thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam theo Quyết định số 3286/QĐ-BGDĐT ngày 30/06/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0102137109 ngày 02/01/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 3 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 15/06/2011.

Công ty đã thực hiện niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 25/5/2009 với mã chứng khoán là ECI.

#### **1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất kinh doanh và thương mại.**

#### **1.3. Ngành nghề kinh doanh**

- Biên soạn, in và phát hành bản đồ, tranh ảnh giáo dục, sách giáo dục, băng đĩa CDROM giáo dục, sách điện tử;
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị giáo dục phục vụ việc giảng dạy, học tập cho các ngành học, bậc học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học) và phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội (Trừ loại Nhà nước cấm);
- Kinh doanh các xuất bản phẩm được phép lưu hành (Trừ loại Nhà nước cấm);
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị dạy nghề, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm, nguyên liệu, vật tư phục vụ sản xuất thiết bị giáo dục;
- Thiết kế, tạo mẫu, chế bản điện tử các sản phẩm trong lĩnh vực giáo dục (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Kinh doanh thiết bị điện tử, tin học phục vụ dạy và học trong nhà trường;
- Kinh doanh nguyên vật liệu, thiết bị ngành in;
- Môi giới thương mại và quảng cáo thương mại.

#### **1.4. Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty là đơn vị độc lập duy nhất, không có Công ty con, Công ty liên kết hay Chi nhánh nào.

### **2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

### **3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

### **4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**

#### **4.1 Các thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán áp dụng**

Ngày 22/12/2014 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực từ năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015. Theo hướng dẫn của Thông tư 200, ảnh hưởng do thay đổi các chính sách kế toán được Công ty áp dụng phi hồi tố.

Ngoài ra, một số chỉ tiêu tương ứng của kỳ trước đã được phân loại lại (xem Thuyết minh số 32) nhằm đảm bảo tính chất so sánh với các số liệu kỳ này, phù hợp với quy định về lập Báo cáo tài chính tại Thông tư 200.

#### **4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản tương đương tiền.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### **4.3 Các khoản nợ phải thu**

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua.
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

#### **4.4 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

### 4.5 Tài sản cố định hữu hình

#### Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

#### Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được xác định căn cứ vào nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Công ty thực hiện khấu hao nhanh gấp 2 lần đối với các tài sản là thiết bị dụng cụ quản lý. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị dụng cụ quản lý	1,5

### 4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Chi phí tem chống lậu, bì nhựa phân bổ theo số lượng sản phẩm hoàn thành nhập kho.
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 18 tháng.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

### 4.7 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty.
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ vào kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

### **4.8 Dự phòng phải trả**

Dự phòng nợ phải trả là nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) của Công ty phát sinh từ các sự kiện đã qua và có khả năng làm giảm sút lợi ích kinh tế của Công ty do việc thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được ghi nhận khi nghĩa vụ nợ được ước tính một cách đáng tin cậy.

### **4.9 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh số vốn thực tế đã góp của các Cổ đông.

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức, lợi nhuận trả cho cổ đông góp vốn không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

### **4.10 Ghi nhận doanh thu**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc niên độ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

### **4.11 Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### **4.12 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

### **4.13 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng được ghi nhận trong kỳ là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận là các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

### **4.14 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

### **4.15 Công cụ tài chính**

#### **Ghi nhận ban đầu**

##### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

#### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### **4.16 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng**

- Thuế GTGT: Áp dụng mức thuế suất 10% đối với hoạt động bán nẹp treo bản đồ; 5% đối với hoạt động bán sách tranh và thiết bị giáo dục; Hoạt động bán bản đồ, atlas, tranh ảnh giáo dục đĩa CD-Rom phục vụ cho giáo dục không chịu thuế.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 22%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 4.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

### 5. Tiền

	31/12/2015	01/01/2015
Tiền mặt	282.868.000	61.921.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.097.998.810	7.018.858.340
<b>Cộng</b>	<b>6.380.866.810</b>	<b>7.080.779.340</b>

### 6. Các khoản tương đương tiền

	31/12/2015	01/01/2015
Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng	10.000.000.000	8.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>8.000.000.000</b>

### 7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2015	01/01/2015
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Hà Nội	1.355.549.960	2.292.602.122
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Thái Nguyên	1.377.756.348	524.189.899
Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Cần Thơ	1.109.985.120	428.631.672
Nhà sách Quảng Lợi	919.091.574	76.654.690
Các đối tượng khác	8.570.178.178	9.334.219.670
<b>Cộng</b>	<b>13.332.561.180</b>	<b>12.656.298.053</b>

#### Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2015	01/01/2015
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Cần Thơ	1.109.985.120	428.631.672
Công ty Cổ phần Học liệu	564.848.720	427.686.095
Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông	221.082.510	131.174.510
Các đối tượng khác	451.270.041	342.799.224
<b>Cộng</b>	<b>2.347.186.391</b>	<b>1.330.291.501</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 8. Phải thu khác

#### a. Ngắn hạn

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	19.899.542	-	10.450.000	-
Phải thu nhuận bút tác giả	10.068.644	-	-	-
Phải thu khác	21.245.172	-	11.744.455	-
<b>Cộng</b>	<b>51.213.358</b>	<b>-</b>	<b>22.194.455</b>	<b>-</b>

#### b. Dài hạn

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Quỹ đầu tư xuất bản (*)	400.000.000	-	400.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	130.517.000	-
<b>Cộng</b>	<b>400.000.000</b>	<b>-</b>	<b>530.517.000</b>	<b>-</b>

(\*) Là khoản tiền Công ty góp vào Quỹ đầu tư xuất bản của Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam theo hợp đồng nguyên tắc hợp tác đầu tư số 11-ECI/2013/ĐTXB ngày 30/12/2013. Mục đích: Đầu tư cho hoạt động xuất bản Sách giáo khoa và Sách bổ trợ, thời gian hợp tác đầu tư là 5 năm kể từ ngày 30/12/2013 và thời hạn trên có thể được kéo dài theo thỏa thuận của 2 bên.

### 9. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2015	01/01/2015
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn	650.872.552	529.404.287
- Từ 3 năm trở lên	364.758.347	525.716.767
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	168.243.908	2.470.000
- Trên 6 tháng đến dưới 1 năm	117.870.297	1.217.520
<b>Cộng</b>	<b>650.872.552</b>	<b>529.404.287</b>

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### **Trong đó: Nợ xấu**

	<b>31/12/2015</b>			
	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị có thể thu hồi (*)</b>	<b>Thời gian quá hạn</b>	<b>Ghi chú</b>
Phải thu khách hàng				
- Công ty Cổ phần Sách và TBTH Sơn La	165.000.000	-	> 3 năm	Không có khả năng thu hồi, do khách hàng thay đổi chủ sở hữu
- Nhà sách Định Thịnh	27.199.392	-	> 3 năm	Khó có khả năng thu hồi
- Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Trị	35.215.200	-	> 3 năm	Khó có khả năng thu hồi
- Các đối tượng khác	137.343.755	-	> 3 năm	Khó có khả năng thu hồi
<b>Cộng</b>	<b><u>364.758.347</u></b>	<b><u>-</u></b>		

(\*) Công ty đánh giá giá trị có thể thu hồi căn cứ vào mức dự phòng cần trích lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

### **10. Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2015</b>		<b>01/01/2015</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
Nguyên liệu, vật liệu	4.711.414	-	34.135.795	
Thành phẩm	4.839.388.192	1.449.575.583	5.721.904.236	1.315.989.317
Hàng hóa	2.606.187.428	373.293.848	3.972.958.023	400.928.810
Hàng gửi bán	-		2.946.967	-
<b>Cộng</b>	<b><u>7.450.287.034</u></b>	<b><u>1.822.869.431</u></b>	<b><u>9.731.945.021</u></b>	<b><u>1.716.918.127</u></b>

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, chậm tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2015 là 1.873.790.425 đồng. Hiện nay, Công ty chưa có kế hoạch thanh lý đối với các mặt hàng có thể tiêu thụ và hủy bỏ đối với các mặt hàng còn lại.
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2015 là 0 đồng.

### **11. Chi phí trả trước dài hạn**



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

	31/12/2015	01/01/2015
Công cụ dụng cụ đã xuất dùng	32.579.292	16.550.505
Tem chống In lậu	814.262	54.397
<b>Cộng</b>	<b>33.393.554</b>	<b>16.604.902</b>

### 12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	342.503.748	2.486.967.700	659.399.121	3.488.870.569
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>342.503.748</b>	<b>2.486.967.700</b>	<b>659.399.121</b>	<b>3.488.870.569</b>
<b>Khấu hao</b>				
Số đầu năm	342.503.748	1.448.328.785	636.306.864	2.427.139.397
Khấu hao trong năm	-	297.127.929	23.092.257	320.220.186
Giảm trong năm	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>342.503.748</b>	<b>1.745.456.714</b>	<b>659.399.121</b>	<b>2.747.359.583</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	-	1.038.638.915	23.092.257	1.061.731.172
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>741.510.986</b>	<b>-</b>	<b>741.510.986</b>

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay là 0 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2015 là 2.246.730.297 đồng.
- Nguyên giá của TSCĐ hữu hình chờ thanh lý là 426.636.472 đồng.
- Các cam kết về việc mua lại TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: Không có.

### 13. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
XN Bản đồ 1 - Chi nhánh Công ty TNHH MTV Trắc địa Bản đồ Công ty TNHH In và TBGD Đông Á	513.089.569	754.589.562
Công ty TNHH In và TBGD Đông Á	434.543.901	719.803.823
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học TP. HCM	706.779.970	279.022.957
Các đối tượng khác	826.064.745	1.805.665.779
<b>Cộng</b>	<b>2.480.478.185</b>	<b>3.559.082.121</b>

**Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

	Mối quan hệ	31/12/2015	01/01/2015
Công ty Cổ phần Sách và TBTH TP. HCM	Chung công ty đầu tư	706.779.970	279.022.957
Các đối tượng khác	Chung công ty đầu tư	10.416.000	355.924.014
<b>Cộng</b>		<b>717.195.970</b>	<b>634.946.971</b>

**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	-	91.803.580	91.803.580	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	103.665.692	846.717.334	873.701.183	76.681.843
Thuế thu nhập cá nhân	184.834.263	387.958.790	493.154.808	79.638.245
<b>Cộng</b>	<b>288.499.955</b>	<b>1.329.479.704</b>	<b>1.461.659.571</b>	<b>156.320.088</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

**15. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2015	01/01/2015
Kinh phí công đoàn	149.116.388	135.498.336
Thù lao HĐQT, BKS	67.738.301	77.500.000
Thuế TNCN thu thừa	144.619.491	107.457.923
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.513.110	2.466.879.411
Phải trả khác	1.514.242	-
<b>Cộng</b>	<b>364.501.532</b>	<b>2.787.335.670</b>

**16. Vốn chủ sở hữu**

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
<b>Số dư tại 01/01/2014</b>	18.600.000.000	(726.105.307)	1.322.620.858	1.003.511.322	433.415.474	8.066.782.969
Tăng trong năm	-	-	-	307.862.045	307.862.045	2.527.103.402
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	4.617.367.518
<b>Số dư tại 31/12/2014</b>	<b>18.600.000.000</b>	<b>(726.105.307)</b>	<b>1.322.620.858</b>	<b>1.311.373.367</b>	<b>741.277.519</b>	<b>5.976.518.853</b>
<b>Chuyển số dư (*)</b>			<b>1.311.373.367</b>	<b>(1.311.373.367)</b>		
<b>Số dư tại 01/01/2015</b>	<b>18.600.000.000</b>	<b>(726.105.307)</b>	<b>2.633.994.225</b>	-	<b>741.277.519</b>	<b>5.976.518.853</b>
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	2.920.717.818
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	63.103.402
<b>Số dư tại 31/12/2015</b>	<b>18.600.000.000</b>	<b>(726.105.307)</b>	<b>2.633.994.225</b>	-	<b>741.277.519</b>	<b>8.834.133.269</b>

(\*) Chuyển số dư Quỹ dự phòng tài chính sang Quỹ đầu tư phát triển theo quy định của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của BTC.

### b. Cổ phiếu

	31/12/2015 Cổ phiếu	01/01/2015 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.860.000	1.860.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.860.000	1.860.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.860.000	1.860.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	100.000	100.000
- Cổ phiếu phổ thông	100.000	100.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.760.000	1.760.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.760.000	1.760.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

### c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

	Năm 2015	Năm 2014
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	5.976.518.853	8.066.782.969
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm này	2.920.717.818	2.527.103.402
Phân phối lợi nhuận	63.103.402	4.617.367.518
- Phân phối lợi nhuận năm trước	63.103.402	2.153.367.518
+ Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-	307.862.045
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	307.862.045
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	63.103.402	305.643.428
+ Chia cổ tức	-	1.232.000.000
- Tạm phân phối lợi nhuận năm này	-	2.464.000.000
+ Chia cổ tức cho các cổ đông	-	2.464.000.000
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ</b>	<b>8.834.133.269</b>	<b>5.976.518.853</b>

### 17. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2015	Năm 2014
Doanh thu bán sách tham khảo	6.960.230	1.652.554.264
Doanh thu bản đồ, tranh ảnh giáo dục	34.767.131.316	36.360.895.382
Doanh thu phim, băng đĩa	57.622.568	140.617.050
Doanh thu thiết bị giáo dục	17.167.219.673	17.761.461.078
Doanh thu khác	788.104	305.286.839
<b>Cộng</b>	<b>51.999.721.891</b>	<b>56.220.814.613</b>

### 18. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2015	Năm 2014
Chiết khấu thương mại	476.100.638	-
Hàng bán bị trả lại	370.544.053	584.277.316
<b>Cộng</b>	<b>846.644.691</b>	<b>584.277.316</b>

### 19. Giá vốn hàng bán

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

	Năm 2015	Năm 2014
Giá vốn sách tham khảo	3.076.078	1.542.041.948
Giá vốn bản đồ, tranh ảnh giáo dục	23.257.137.651	24.772.481.747
Giá vốn phim, băng đĩa	49.281.134	108.391.758
Giá vốn thiết bị giáo dục	14.223.882.766	14.625.013.669
Giá vốn khác	591.078	125.355.498
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	105.951.304	(140.184.100)
<b>Cộng</b>	<b>37.639.920.011</b>	<b>41.033.100.520</b>

### 20. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2015	Năm 2014
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	331.210.145	362.815.318
<b>Cộng</b>	<b>331.210.145</b>	<b>362.815.318</b>

### 21. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

#### a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	Năm 2015	Năm 2014
Tiền lương nhân viên bán hàng	2.006.130.036	1.743.580.255
Chi phí bốc xếp vận chuyển	722.943.505	1.090.625.302
Chi phí hoa hồng môi giới	500.027.998	523.241.938
Chi phí thuê kho, thuê văn phòng	630.628.908	579.380.181
Các khoản khác	1.083.706.645	1.693.714.688
<b>Cộng</b>	<b>4.943.437.092</b>	<b>5.630.542.364</b>

#### b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	Năm 2015	Năm 2014
Tiền lương	2.830.894.753	2.891.696.839
Chi phí thuê nhà	234.245.454	383.040.000
Chi phí giao dịch, hội nghị	699.873.388	726.411.705
Các khoản khác	1.414.420.292	1.638.048.251
<b>Cộng</b>	<b>5.179.433.887</b>	<b>5.639.196.795</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### c. Khoản ghi giảm chi phí bán hàng trong năm

	Năm 2015	Năm 2014
Hoàn nhập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa	326.292.500	-
<b>Cộng</b>	<b>326.292.500</b>	<b>-</b>

### 22. Thu nhập khác

	Năm 2015	Năm 2014
Vật tư, hàng hóa thừa sau kiểm kê	78.487.038	51.644.309
Thu từ thanh lý công cụ dụng cụ	713.636	3.646.364
Các khoản khác	1.776.925	455.198
<b>Cộng</b>	<b>80.977.599</b>	<b>55.745.871</b>

### 23. Chi phí khác

	Năm 2015	Năm 2014
Phạt và truy thu thuế	538.177	88.317.584
Xử lý hàng thiếu do kiểm kê	33.057.300	47.590.540
Các khoản khác	1.443.325	191.041
<b>Cộng</b>	<b>35.038.802</b>	<b>136.099.165</b>

### 24. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2015	Năm 2014
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.767.435.152	3.616.159.642
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	81.280.000	510.497.584
- Điều chỉnh tăng	81.280.000	510.497.584
+ Chi phí không hợp lệ	49.000.000	448.097.584
+ Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	32.280.000	62.400.000
- Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	3.848.715.152	4.126.657.226
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>846.717.334</b>	<b>1.089.056.240</b>
<b>Trong đó:</b>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	846.717.334	907.864.590
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	181.191.650

### 25. Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

	Năm 2015	Năm 2014
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.920.717.818	2.527.103.402
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	(63.103.402)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	-	63.103.402
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.920.717.818	2.464.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.760.000	1.760.000
<b>Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu (*)</b>	<b>1.659</b>	<b>1.400</b>

(\*) Điều lệ cũng như Đại hội cổ đông Công ty không quy định cụ thể về việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2015; Do đó, chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu 2015 chưa loại trừ ảnh hưởng của việc trích lập các quỹ này.

### 26. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.976.804.925	2.130.994.313
Chi phí nhân công	9.920.744.216	7.413.834.272
Chi phí khấu hao tài sản cố định	320.220.186	410.660.160
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.003.857.086	22.436.890.972
Chi phí khác bằng tiền	2.533.928.860	2.005.205.720
<b>Cộng</b>	<b>32.755.555.273</b>	<b>34.397.585.437</b>

### 27. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh bắn đồ, tranh ảnh và các sản phẩm giáo dục và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

### 28. Quản lý rủi ro

#### a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

#### b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường về giá, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### *Quản lý rủi ro về giá*

Chi phí in ấn và chi phí nguyên liệu chiếm phần lớn trong giá thành thành phẩm nên Công ty chịu rủi ro về giá in ấn và giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về chi phí in ấn thông qua việc tìm kiếm nhà cung cấp với phí dịch vụ thấp nhất, tập trung số lượng in lớn trên bản in và ký hợp đồng nguyên tắc từ đầu năm để giảm chi phí. Đối với nguyên vật liệu, Công ty lựa chọn những đối tác tin cậy lâu năm và luôn yêu cầu được cung cấp những biến động về giá kịp thời nhất. Ngoài ra, Công ty còn so sánh mức giá giữa các nhà cung cấp để đảm bảo mua nguyên vật liệu chất lượng nhưng với mức giá hợp lý nhất.

### *Quản lý rủi ro tín dụng*

Khách hàng chủ yếu của Công ty là các công ty sách, các trường học, các Sở, phòng giáo dục đào tạo, các đơn vị thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Đây là các khách hàng truyền thống, phát sinh giao dịch thường xuyên, thanh toán công nợ kịp thời nên Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

### *Quản lý rủi ro thanh khoản*

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

<b>31/12/2015</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Phải trả người bán	2.480.478.185	-	2.480.478.185
Chi phí phải trả	20.000.000	-	20.000.000
Phải trả khác	215.385.144	-	215.385.144
<b>Cộng</b>	<b>2.715.863.329</b>	<b>-</b>	<b>2.715.863.329</b>
<b>01/01/2015</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Phải trả người bán	3.559.082.121	-	3.559.082.121
Phải trả khác	2.651.837.334	-	2.651.837.334
<b>Cộng</b>	<b>6.210.919.455</b>	<b>-</b>	<b>6.210.919.455</b>

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh toán và tin tưởng rằng công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các tài sản tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

<b>31/12/2015</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.380.866.810	-	16.380.866.810
Phải thu khách hàng	12.681.688.628	-	12.681.688.628
Phải thu khác	51.213.358	400.000.000	451.213.358
<b>Cộng</b>	<b>29.113.768.796</b>	<b>400.000.000</b>	<b>29.513.768.796</b>

  

<b>01/01/2015</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.080.779.340	-	15.080.779.340
Phải thu khách hàng	12.126.893.766	-	12.126.893.766
Phải thu khác	22.194.455	530.517.000	552.711.455
<b>Cộng</b>	<b>27.229.867.561</b>	<b>530.517.000</b>	<b>27.760.384.561</b>

### **29. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

### **30. Thông tin về các bên liên quan**

#### **a. Các bên liên quan**

	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Cần Thơ	Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBTH TP.Hồ Chí Minh	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Mỹ thuật và Truyền thông	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Miền Trung	Chung Công ty đầu tư
Công ty cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục miền Bắc	Chung Công ty đầu tư

#### **b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm**

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

	<b>Giao dịch</b>	<b>Năm 2015</b>	<b>Năm 2014</b>
Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Cần Thơ	Bán bản đồ, tranh ảnh	1.535.217.440	1.538.188.552
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Bán bản đồ, tranh ảnh	2.917.734.592	2.701.107.840
Công ty cổ phần Sách Giáo Dục tại TP. Hồ Chí Minh	Bán bản đồ, tranh ảnh	3.144.257.614	2.655.126.800
Công ty cổ phần Sách và Thiết bị trường học TP. HCM	Bán bản đồ, tranh ảnh	3.701.628.003	4.152.816.156
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Phí quản lý xuất bản	825.322.550	758.880.000
Công ty cổ phần Sách và Thiết bị trường học TP. HCM	Mua thiết bị Giáo dục	4.220.951.185	4.053.626.825

### **c. Lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc**

	<b>Năm 2015</b>	<b>Năm 2014</b>
Thù lao Hội đồng quản trị	87.900.000	62.100.000
Tiền lương Ban Giám đốc	808.967.447	1.030.115.524

### **31. Số liệu so sánh**

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán bởi AAC. Một số chỉ tiêu so sánh trên Báo cáo tài chính đã được phân loại lại nhằm đảm bảo tính chất so sánh với các số liệu năm nay, phù hợp với quy định về lập Báo cáo tài chính tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. Cụ thể như sau:

#### **BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>01/01/2015</b>	<b>01/01/2015 (Trình bày lại)</b>
Tài sản dài hạn khác	130.517.000	-
Phải thu dài hạn khác	-	530.517.000
Đầu tư dài hạn khác	400.000.000	-
Quỹ đầu tư phát triển	1.322.620.858	2.633.994.225
Quỹ dự phòng tài chính	1.311.373.367	-

**Giám đốc**

**Kế toán trưởng**

**Người lập biểu**

**Nguyễn Thị Hồng Loan**

**Đặng Thị Như**

**Ngô Thị Hương Giang**

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2016